

Số 23 - QĐ/ĐU

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ
Bộ Giao thông vận tải khóa XVIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020**

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (khoá XI); Quy định số 45-QĐ/TW ngày 01/11/2011 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thi hành Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy định số 215-QĐ/TW ngày 05/12/2013 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng thuộc Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương;

- Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ Giao thông vận tải, khóa XVIII ngày 27/8/2015,

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ BỘ GTVT
QUYẾT ĐỊNH**

Điều 1. Ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ Giao thông vận tải khóa XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020.

Điều 2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ, các Ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ, các đảng ủy, chi ủy trực thuộc có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

Nơi nhận:

- Đảng ủy Khối các CQTW (để b/c);
- Ban Cán sự đảng Bộ GTVT (để b/c);
- Các đ/c Ủy viên BCH Đảng bộ Bộ;
- Các đảng ủy, chi ủy trực thuộc;
- Các Ban tham mưu Đảng ủy Bộ;
- Công Đoàn GTVT VN;
- Đoàn TNCSHCM Bộ;
- Lưu VP, BTCĐU.

**T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ**



Nguyễn Ngọc Đông





QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
KHÓA XVIII, NHIỆM KỲ 2015 - 2020
(Ban chấp hành Trung ương Đảng quyết định số 43 QĐ/ĐU ngày 23 tháng 9 năm 2015
của Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ GTVT)

Chương I
TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN CHẤP HÀNH,
BAN THƯỜNG VỤ, THƯỜNG TRỰC ĐẢNG ỦY

Điều 1. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Chấp hành

Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ Giao thông vận tải (gọi tắt là Đảng ủy Bộ) là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng bộ Bộ giữa hai kỳ Đại hội; có trách nhiệm thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ Đảng; Quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Đảng ủy Bộ thảo luận và quyết định những nội dung sau:

1. Các chủ trương, biện pháp, kế hoạch triển khai quán triệt, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch, chương trình của Trung ương, Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, Ban Cán sự đảng Bộ GTVT và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Bộ GTVT lần thứ XVIII.

2. Chương trình làm việc toàn khóa và hàng năm của Đảng ủy Bộ và Ủy ban kiểm tra Đảng ủy; Quy chế làm việc của Đảng ủy và Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ.

3. Kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng và các Quy định của Trung ương Đảng.

4. Định kỳ, xem xét báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban Thường vụ Đảng ủy và của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy giữa 2 kỳ họp của Đảng ủy Bộ. Thông qua báo cáo kiểm điểm, đánh giá công tác hàng quý, 6 tháng, năm và nhiệm kỳ của Đảng ủy Bộ.

5. Đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương chỉ định bổ sung nhân sự ủy viên ban chấp hành đảng bộ, bầu bổ sung ủy viên ban thường vụ, ủy viên, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy theo quy định của Điều lệ Đảng, quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và hướng dẫn của cấp ủy cấp trên.

6. Chuẩn bị và triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ Bộ; thông qua các văn kiện trình Đại hội; chuẩn bị nhân sự cấp ủy khóa mới và giới thiệu nhân sự để Đại hội bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới theo quy định của Điều lệ Đảng, chỉ thị, hướng dẫn của Trung ương và cấp ủy cấp trên.

7. Tham gia công tác tổ chức và nhân sự của Đảng bộ Bộ, của Bộ Giao thông vận tải theo quy định.

8. Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền: Nghị quyết, Quyết định, Kết luận, Quy chế, Quy định... của Đảng ủy Bộ.

Điều 2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ

Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ (gọi tắt là Ban Thường vụ) có nhiệm vụ lãnh đạo và điều hành công việc của đảng bộ giữa 2 kỳ hội nghị của Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ, có trách nhiệm và quyền hạn:

1. Quyết định chương trình làm việc hàng tháng, quý, 6 tháng, năm của Ban Thường vụ. Xây dựng các chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện các nghị quyết, kết luận, chỉ thị... của Trung ương Đảng, của Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, của Ban Cán sự đảng Bộ GTVT, Nghị quyết đại hội Đảng bộ Bộ và Đảng ủy Bộ.

2. Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng theo chương trình, kế hoạch của Đảng ủy Bộ và cấp uỷ cấp trên.

3. Quyết định việc thành lập, sáp nhập, chuyển giao, tiếp nhận, chia tách, giải thể... các tổ chức đảng trực thuộc theo quy định.

4. Quản lý đội ngũ cán bộ cấp uỷ trực thuộc, cán bộ chuyên trách công tác Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng, hướng dẫn của Trung ương, cấp uỷ cấp trên. Quyết định khen thưởng, kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên theo quy định.

5. Chỉ đạo đại hội các đảng bộ, chi bộ trực thuộc theo quy định.

6. Quyết định kết nạp đảng viên, công nhận đảng viên chính thức; xóa tên đảng viên, công nhận danh hiệu các tổ chức đảng trực thuộc. Quyết định, chỉ định bổ sung, tăng thêm số lượng cấp uỷ viên cấp dưới so với số lượng cấp uỷ viên mà đại hội đã quyết định; kết luận về lịch sử chính trị của đảng viên theo Quy định của Bộ Chính trị và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

7. Tham gia công tác tổ chức và nhân sự của Đảng bộ Bộ, của Bộ Giao thông vận tải theo quy định.

8. Phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ về các lĩnh vực hoạt động và chỉ đạo theo quy chế phối hợp.

9. Chỉ đạo các cấp uỷ trực thuộc lãnh đạo công tác đoàn thể quần chúng trong cơ quan, đơn vị; trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Công đoàn Giao thông vận tải Việt Nam và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Bộ theo quy định.

10. Chuẩn bị nội dung, chương trình, triệu tập hội nghị Đảng ủy Bộ; báo cáo tình hình và kết quả thực hiện các nghị quyết của Đảng ủy Bộ, những công việc đã giải quyết tại hội nghị Ban Chấp hành. Thông báo tình hình và kết quả hoạt động của đảng bộ sau mỗi kỳ họp Đảng ủy Bộ đến cấp uỷ trực thuộc; thực hiện chế độ báo cáo với Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương và Ban Cán sự đảng Bộ theo quy định.

11. Chuẩn bị nhân sự bổ sung Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Bộ thiếu theo quy định của Điều lệ Đảng và hướng dẫn của cấp uỷ cấp trên để trình Hội nghị Ban Chấp hành xem xét và báo cáo Đảng ủy Khối quyết định.

12. Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền: Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị, Kết luận, Quy chế, Quy định, Hướng dẫn, Thông báo... của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ.

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của Thường trực Đảng ủy Bộ

Thường trực Đảng ủy gồm Bí thư và các Phó Bí thư có trách nhiệm và quyền hạn sau:

1. Những việc Ban Thường vụ ủy quyền cho tập thể Thường trực Đảng ủy giải quyết:

a) Chuẩn y kết quả bầu cử cấp ủy, ủy ban kiểm tra, chỉ định bổ sung cấp ủy, ủy ban kiểm tra của các cấp ủy trực thuộc.

b) Xét, đề nghị tặng Huy hiệu Đảng, phát thẻ đảng viên theo quy định.

c) Quản lý đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác đảng của Đảng ủy Bộ.

d) Chỉ đạo, kiểm tra các hoạt động về tài chính của Đảng ủy Bộ.

đ) Tham gia ý kiến về đề nghị xét tặng các danh hiệu của Nhà nước, danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân các cơ quan, đơn vị thuộc Đảng bộ.

e) Quyết định thẩm tra cán bộ thuộc diện Đảng ủy quản lý khi có vấn đề phải xem xét về lịch sử chính trị và chính trị hiện nay theo quy định của Bộ Chính trị để đưa ra Ban Thường vụ xem xét, kết luận.

g) Chỉ đạo, hướng dẫn những vấn đề về nghiệp vụ công tác đảng theo quy định của Điều lệ Đảng và hướng dẫn của Trung ương, Đảng ủy Khối.

h) Giải quyết các vấn đề về nghiệp vụ công tác đảng theo quy định của Điều lệ Đảng và Hướng dẫn của Trung ương.

i) Tiếp cán bộ, đảng viên theo quy định.

2. Chỉ đạo việc xây dựng quy chế, chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình làm việc hàng tháng, quý, 6 tháng của Ban Thường vụ; triệu tập hội nghị Ban Thường vụ; chỉ đạo chuẩn bị nội dung, đề án, dự thảo các nghị quyết để trình Ban Thường vụ, Ban Chấp hành thảo luận, quyết định; báo cáo Đảng ủy Khối theo quy định và khi có yêu cầu.

3. Chỉ đạo hoạt động các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ, các cấp ủy trực thuộc; chỉ đạo thực hiện, kiểm tra, chuẩn bị nội dung sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và cấp trên.

4. Chỉ đạo, giải quyết các công việc hàng ngày của Đảng ủy Bộ, những vấn đề đột xuất, phát sinh giữa hai kỳ họp của Ban Thường vụ. Báo cáo tại kỳ họp của Ban Thường vụ về tình hình và kết quả thực hiện các công việc theo ủy quyền của Ban Thường vụ.

5. Quyết định về công tác nhân sự đối với cán bộ chuyên trách của cơ quan Đảng ủy Bộ theo quy định.

6. Khi cần thiết, tập thể Thường trực Đảng ủy hoặc các đồng chí Thường trực Đảng ủy trực tiếp làm việc với các Ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ, các đảng ủy, chi ủy cơ sở để nắm bắt tình hình và chỉ đạo thực hiện nghị quyết, chủ trương hoặc chuẩn bị nội dung, chương trình hoạt động cụ thể của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ.

Chương II

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH, ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ, BÍ THƯ, PHÓ BÍ THƯ ĐẢNG ỦY BỘ

Điều 4. Trách nhiệm, quyền hạn của Ủy viên Ban Chấp hành (gọi tắt là Đảng ủy viên)

1. Chịu trách nhiệm trước Đảng ủy Bộ về lĩnh vực công tác và tổ chức đảng được phân công phụ trách.

2. Chỉ đạo triển khai quán triệt, tổ chức thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành trong lĩnh vực công tác, tổ chức đảng được phân công phụ trách; báo cáo kịp thời với Thường trực Đảng ủy về tình hình tư tưởng, những vấn đề phức tạp, đột xuất thuộc lĩnh vực, tổ chức đảng được phân công phụ trách; chủ động đề xuất với Ban Thường vụ các chủ trương, biện pháp công tác trong lĩnh vực, tổ chức đảng được phân công phụ trách.

3. Chỉ đạo công tác xây dựng Đảng ở nơi mình sinh hoạt, tổ chức đảng được phân công phụ trách và liên đới chịu trách nhiệm khi tổ chức đảng được phân công phụ trách sinh hoạt yếu kém.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có lối sống lành mạnh; xây dựng gia đình văn hóa; không để vợ (chồng), con làm những việc trái quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

5. Nghiêm chỉnh chấp hành sự phân công, điều động của tổ chức và có quyền trình bày ý kiến khi các cơ quan có thẩm quyền nhận xét, đánh giá, quyết định bố trí công tác, thi hành kỷ luật đối với mình.

6. Thực hiện chế độ tự phê bình và phê bình, chất vấn theo quy định của Đảng. Gương mẫu học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực hoạt động thực tiễn.

7. Tham dự đầy đủ các Hội nghị Ban Chấp hành và đóng góp ý kiến vào các nội dung, đề án, quyết định tại hội nghị Ban Chấp hành; trong trường hợp không trực tiếp dự họp được thì có hình thức thích hợp góp ý kiến vào nội dung kỳ họp và chấp hành nghị quyết, kết luận của kỳ họp. Tham gia các tổ công tác, đề án, công việc theo sự phân công của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ.

8. Được cung cấp và yêu cầu Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy cung cấp kịp thời những thông tin, tài liệu cần thiết về hoạt động của Đảng bộ; thực hiện đúng chế độ bảo mật, kỷ luật phát ngôn của Đảng và Nhà nước.

9. Đối với các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành kiêm nhiệm bố trí hợp lý giữa thực hiện nhiệm vụ chuyên môn với thực hiện nhiệm vụ công tác Đảng trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

10. Thực hiện các nhiệm vụ và công việc đột xuất do Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy và Bí thư Đảng ủy phân công.

Điều 5. Trách nhiệm, quyền hạn của Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ

Ủy viên Ban Thường vụ thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy viên Ban Chấp hành, đồng thời có trách nhiệm và quyền hạn sau:

1. Tham gia đầy đủ các kỳ họp Ban Thường vụ, thảo luận và biểu quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ, Ban Chấp hành về việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ liên quan tới nhiệm vụ được phân công.

2. Chuẩn bị nội dung các chương trình công tác, các đề án thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách; tham gia chuẩn bị các chương trình công tác, các đề án chung của Ban Thường vụ và Ban Chấp hành.

3. Cụ thể hoá các nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ thành chương trình công tác, kế hoạch để thực hiện; chỉ đạo các ủy viên Ban Chấp hành kiểm tra, đôn đốc, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực và tổ chức đảng được phân công phụ trách.

4. Các Ủy viên Thường vụ được phân công phụ trách, hoặc kiêm Trưởng các ban của Đảng ủy, thay mặt Ban Thường vụ ký các văn bản về nội dung thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách; trực tiếp giải quyết những công việc cụ thể của ban mình và những công việc được Ban Thường vụ phân công hoặc được Thường trực ủy nhiệm.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của Bí thư Đảng ủy Bộ

Bí thư Đảng ủy Bộ chịu trách nhiệm cao nhất trước Đảng bộ Bộ; cùng Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Đảng bộ Khối, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương về mọi hoạt động của Đảng bộ Bộ, có trách nhiệm và quyền hạn:

1. Chủ trì, kết luận hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Bộ; chủ trì công việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Bộ; đề xuất những vấn đề quan trọng trong công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ để Ban Thường vụ, Ban Chấp hành thảo luận, quyết định.

2. Quán triệt, phổ biến trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ về đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chỉ đạo chuẩn bị nội dung chương trình, kế hoạch công tác lớn để Ban Thường vụ, Ban Chấp hành thảo luận, quyết định.

3. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, các lĩnh vực công tác khó khăn, bức xúc, phức tạp và nhạy cảm; chỉ đạo công tác tư tưởng, công tác tổ chức, cán bộ và công tác kiểm tra, giám sát; kiến nghị với Ban Thường vụ, Ban Chấp hành các chủ trương, giải pháp nhằm cải tiến, đổi mới phương thức lãnh đạo; duy trì sinh hoạt cấp ủy đúng quy định và nguyên tắc của Đảng; xây dựng sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ cấp ủy và trong Đảng bộ. Giữ mối quan hệ và phối hợp hoạt động giữa các đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy Bộ.

4. Chỉ đạo sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, các lĩnh vực công tác quan trọng của Đảng bộ; thay mặt Ban Chấp hành

báo cáo với Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương và thông báo với các tổ chức đảng trực thuộc về tình hình và kết quả thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng trong Đảng bộ và hoạt động của cấp ủy theo đúng chế độ quy định. Khi cần, trực tiếp báo cáo Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Khối về tình hình hoạt động của Đảng bộ Bộ và chịu trách nhiệm về những nội dung đã báo cáo.

5. Ký các nghị quyết, chỉ thị và các văn bản của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của các phó bí thư Đảng ủy Bộ

Các Phó Bí thư có trách nhiệm và quyền hạn:

1. Phụ trách công tác xây dựng đảng ở một số lĩnh vực của Đảng bộ Bộ theo sự phân công của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ; trực tiếp phụ trách một số cấp ủy trực thuộc Đảng ủy Bộ.

2. Chỉ đạo việc chuẩn bị các dự thảo chương trình, kế hoạch công tác, các đề án của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ thuộc lĩnh vực công tác được phân công phụ trách; tham gia chuẩn bị nội dung hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các chương trình công tác của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ.

3. Thay mặt Ban Thường vụ chỉ đạo, giải quyết công việc của các ban tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ, các cấp ủy trực thuộc theo sự phân công; ký các văn bản thuộc phạm vi được phân công phụ trách và được Bí thư ủy nhiệm.

Phó Bí thư Thường trực ngoài việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Bí thư còn có trách nhiệm và quyền hạn:

a) Điều hành công việc hằng ngày của Đảng ủy và của cơ quan Đảng ủy Bộ; giải quyết những công việc do Bí thư ủy nhiệm, thay mặt Bí thư khi Bí thư đi vắng; xử lý công văn, tài liệu đi, đến hàng ngày của Đảng ủy Bộ.

b) Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện quy chế, các chương trình, kế hoạch công tác đã đề ra; chỉ đạo chuẩn bị chương trình, nội dung và công tác bảo đảm phục vụ hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và các cuộc họp của Thường trực Đảng ủy Bộ.

c) Ký một số văn bản của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ theo sự ủy nhiệm của Bí thư Đảng ủy Bộ.

Chương III

NGUYÊN TẮC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA BAN CHẤP HÀNH, BAN THƯỜNG VỤ VÀ THƯỜNG TRỰC ĐẢNG ỦY

Điều 8. Về nguyên tắc làm việc

Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Bộ làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số; thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định Điều lệ Đảng, quy định, hướng dẫn của Trung ương, Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương, Ban cán sự đảng Bộ GTVT và quy chế làm việc của Đảng ủy Bộ.

Điều 9. Thực hiện lễ lối làm việc

1. Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ làm việc theo chương trình toàn khóa, hằng năm và có sự điều chỉnh khi cần thiết.

2. Thường trực Đảng ủy Bộ có trách nhiệm chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc của hội nghị Ban Thường vụ; Ban Thường vụ có trách nhiệm chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc của hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ.

3. Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ thông báo chương trình làm việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ và phân công các đơn vị, cá nhân phụ trách, chỉ đạo chuẩn bị theo nội dung, tiến độ đã đề ra.

4. Đối với những đề án quan trọng, Thường trực Đảng ủy Bộ xin ý kiến Ban Cán sự đảng Bộ và tổ chức lấy ý kiến tham gia của các ban tham mưu, giúp việc Đảng ủy Bộ, các cấp ủy trực thuộc, các tổ chức đoàn thể trước khi Ban Thường vụ, Ban Chấp hành thảo luận, quyết định.

5. Nghị quyết, quyết định, kết luận của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ được quy định rõ về: tiến độ, thời gian hoàn thành, phân công trách nhiệm, chế độ kiểm tra, đôn đốc và chế độ báo cáo.

6. Trong quá trình thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Đảng ủy Bộ, các đơn vị và cá nhân có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả, nêu những ưu, khuyết điểm, nguyên nhân và báo cáo, kiến nghị, đề xuất với Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ để chỉ đạo, giải quyết.

Điều 10. Chế độ làm việc

1. Ban Chấp hành làm việc theo chương trình toàn khóa, hàng năm; họp ba tháng một lần, họp đột xuất khi cần, do Ban Thường vụ triệu tập; Ban Thường vụ họp mỗi tháng một lần, họp đột xuất khi cần, do Thường trực Đảng ủy Bộ triệu tập; Thường trực Đảng ủy Bộ hội ý vào thời gian thích hợp các ngày cuối tuần và đột xuất khi cần.

2. Thời gian hội nghị Ban Chấp hành không quá một ngày, hội nghị Ban Thường vụ không quá 1/2 ngày (không kể hội nghị tổng kết công tác, kiểm điểm cuối năm hoặc hội nghị có nhiều nội dung quan trọng).

3. Tài liệu họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ phải gửi đến các thành viên trước khi họp ít nhất ba ngày.

4. Các thành viên dự họp nhận được tài liệu có trách nhiệm nghiên cứu, chuẩn bị ý kiến trong hội nghị (phát biểu trực tiếp hoặc góp ý bằng văn bản). Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ vì lý do đặc biệt không tham dự hội nghị phải xin phép và được sự đồng ý của Thường trực Đảng ủy Bộ, đồng thời có trách nhiệm đóng góp ý kiến bằng văn bản gửi về Đảng ủy Bộ.

5. Nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ chỉ có giá trị khi có hơn một nửa tổng số ủy viên tán thành. Nghị quyết và các vấn đề, các nội dung được Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ quyết định bằng văn bản, thông báo chậm nhất không quá một tuần sau khi họp để triển khai thực hiện.

6. Hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ khi bàn các nội dung liên quan đến ban, đơn vị nào thì lãnh đạo ban, đơn vị, cán bộ, chuyên viên có liên quan trực tiếp được mời dự họp được phát biểu khi có yêu cầu.

7. Văn phòng Đảng ủy Bộ có trách nhiệm ghi biên bản, dự thảo nghị quyết của các hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ; thông báo các ý kiến kết luận của hội nghị đến các ủy viên vắng mặt và các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm thực hiện.

8. Các đồng chí Trưởng, phó Ban tham mưu, giúp việc Đảng ủy Bộ được tham dự các Hội nghị Ban Thường vụ và Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ, trừ trường hợp Ban Thường vụ họp thảo luận và quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền.

Điều 11. Chế độ đi công tác cơ sở

Các ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ phải có kế hoạch đi công tác cơ sở ít nhất ba tháng một lần để nắm tình hình hoạt động của các tổ chức đảng trực thuộc, tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên, quần chúng; có ý kiến chỉ đạo kịp thời và đề xuất với Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Bộ các chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo.

Điều 12. Chế độ học tập

Các ủy viên Ban Chấp hành có kế hoạch và gương mẫu trong việc học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực hoạt động thực tiễn nhất là về công tác xây dựng Đảng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

Điều 13. Chế độ tự phê bình và phê bình

1. Việc kiểm điểm tập thể, cá nhân hằng năm của Đảng ủy Bộ và các cấp ủy trực thuộc thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương và chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ.

2. Các ủy viên Ban Chấp hành chủ động, kịp thời tham gia góp ý kiến với tập thể và cá nhân ủy viên Ban Chấp hành khi phát hiện có thiếu sót, khuyết điểm hoặc có phản ánh của cán bộ, đảng viên và quần chúng.

Điều 14. Chế độ báo cáo và thông tin

1. Thường trực Đảng ủy Bộ báo cáo Ban Thường vụ ít nhất mỗi quý một lần, Ban Thường vụ báo cáo Ban Chấp hành ít nhất sáu tháng một lần về tình hình, kết quả thực hiện công việc và những nội dung được Ban Thường vụ, Ban Chấp hành ủy quyền giải quyết.

2. Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ báo cáo tình hình và kết quả hoạt động của Đảng bộ Bộ với Ban Thường vụ Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương theo quy định.

3. Khi có công việc đột xuất, quan trọng, Thường trực Đảng ủy Bộ thay mặt Ban Thường vụ báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương để chỉ đạo triển khai, thực hiện kịp thời.

4. Khi có yêu cầu, các trường, phó ban tham mưu, giúp việc, các đồng chí đảng ủy viên, bí thư các đảng ủy, chỉ ủy trực thuộc có trách nhiệm kịp thời báo cáo tình hình và kết quả thực hiện các lĩnh vực công tác ở đơn vị, tổ chức đảng được phân công theo dõi, phụ trách với Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ.

5. Mỗi năm một lần ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ có trách nhiệm báo cáo nội dung và kết quả công tác của mình bằng văn bản về việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ và nhiệm vụ được phân công. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, thường xuyên trao đổi thông tin; khi phát hiện những vướng mắc hoặc phát sinh trong công việc thì kiến nghị, phản ánh và đề xuất biện pháp giải quyết kịp thời với Thường trực Đảng ủy Bộ hoặc ủy viên Ban Thường vụ phụ trách lĩnh vực công tác đó.

6. Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ được thông báo về tình hình và kết quả hoạt động của Đảng bộ ít nhất sáu tháng một lần, được cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết (theo quy định) phục vụ công tác nghiên cứu, chỉ đạo và sử dụng các tài liệu đó theo chế độ quy định.

7. Việc chất vấn trong Ban Chấp hành Đảng bộ được thực hiện theo Quy chế chất vấn trong Đảng.

Chương IV

CÁC MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA ĐẢNG ỦY BỘ

Điều 15. Đối với Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương

Đảng ủy Bộ Giao thông vận tải là cấp ủy trực thuộc Ban Chấp hành Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Khối, trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương.

Đối với các Ban của Đảng ủy Khối: Thực hiện sự hướng dẫn, kiểm tra của các Ban về chuyên môn, nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng theo quy định.

Điều 16. Đối với Ban Cán sự đảng Bộ

Thực hiện theo Quy chế phối hợp công tác giữa Ban Cán sự đảng Bộ và Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Bộ và xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Điều 17. Đối với cấp ủy địa phương

Đảng ủy phối hợp trong công tác quản lý đảng viên về giữ mối liên hệ và thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú theo Quy định 76-QĐ/TW ngày 15/6/2000 của Bộ Chính trị và hướng dẫn thực hiện của Ban Tổ chức Trung ương Đảng.

Phối hợp trong công tác quản lý cán bộ, đảng viên và thực hiện nhiệm vụ chính trị góp phần bảo vệ an ninh trật tự xã hội và kinh tế địa phương.

Điều 18. Mối quan hệ phối hợp với các Đảng bộ cấp trên cơ sở thuộc Ngành GTVT

Đảng ủy Bộ GTVT phối hợp với các Đảng ủy cấp trên cơ sở của các cơ quan, doanh nghiệp trong ngành GTVT tổ chức các hoạt động:

1. Tổ chức học tập và triển khai nghị quyết của cấp trên, của Ban Cán sự đảng, lãnh đạo Bộ về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của Ngành GTVT.
2. Đào tạo bồi dưỡng cán bộ Đảng và đảng viên.
3. Tổ chức hội thảo, hội nghị chuyên đề về công tác đổi mới phương thức hoạt động nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng.
4. Lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội trong cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

Điều 19. Đối với các đảng ủy, chi ủy trực thuộc

1. Đảng ủy Bộ trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo mọi hoạt động của tổ chức đảng trong Đảng bộ; thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng, hướng dẫn của Trung ương Đảng.

2. Các đảng ủy, chi ủy trực thuộc chịu trách nhiệm trước Đảng ủy Bộ về các hoạt động của đảng bộ, chi bộ mình; thực hiện nghiêm túc các quyết định, chỉ đạo của Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy, các hướng dẫn về nghiệp vụ, các quy định về chế độ báo cáo.

Điều 20. Đối với các tổ chức đoàn thể

Đảng ủy Bộ lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Công đoàn GTVT Việt Nam và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Bộ GTVT theo quy định của Điều lệ Đảng và các nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn... của Trung ương.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Căn cứ Quy chế này, các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, các cơ sở đảng trực thuộc và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ xây dựng Quy chế hoạt động và chương trình công tác hàng năm để thực hiện.

2. Ban Tổ chức Đảng ủy Bộ chủ trì, phối hợp với các Ban của Đảng ủy Bộ có trách nhiệm giúp Ban Chấp hành theo dõi việc thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Ban Chấp hành sẽ xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn hoạt động và quy định của cấp trên./.